|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BKHCN | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng dự thảo**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

1. **XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**
2. **Bối cảnh xây dựng chính sách**

Thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ, trong thời gian qua, Chính phù và các cơ quan của Chính phủ đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoa học và Công nghệ theo thẩm quyền, nhờ đó đã hình thành đồng bộ hệ thống văn bản pháp lý về khoa học và công nghệ, góp phần huy động nguồn lực cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN&ĐMST); thúc đẩy sự phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa nội dung KHCN&ĐMST gắn bó chặt chẽ và phục vụ trực tiếp cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo (ĐMST) của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hiện nay, cơ chế quản lý tài chính đối với phân bổ, sử dụng chi sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN), Luật KH&CN, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các thông tư, thông tư liên tịch giữa Bộ KH&CN và Bộ Tài chính (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán, quyết toán đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN,...) và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những yếu tố tích cực cũng nảy sinh những hạn chế trong chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ như: đầu tư cho KH&CN dàn trải, chồng chéo chưa tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo Chiến lược phát triển KH&CN theo từng giai đoạn; cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức KH&CN chưa phù hợp; cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng của nhiệm vụ KH&CN đã được triển khai thực hiện, nhưng không phổ biến...Bên cạnh đó, trước những thay đổi và yêu cầu của tình hình kinh tế - xã hội, chủ trương của Đảng cũng như những điều chỉnh trong các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và đấu thầu.

Do vậy, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/4/2014 về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ (Nghị định số 95/2014/NĐ-CP). Nghị định sẽ tập trung sửa đổi, bổ sung nội dung tại 04 Điều gồm: Điều 4 nội dung chi NSNN cho KH&CN; Điều 5 về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN; Điều 9 và Điều 10 quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

- Thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất trong đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN được công khai, minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tạo thuận lợi cho các tổ chức KH&CN, các cá nhân hoạt động KH&CN, góp phần giảm thiểu thủ tục hành chính trong hoạt động KH&CN.

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN, nâng cao tính chủ động và trách nhiệm giải trình của các chủ thể trong quá trình quản lý và sử dụng các nguồn lực đầu tư đối với hoạt động KH&CN.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

Để đạt được các mục tiêu như đã đặt ra ở trên, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP tập trung vào các nhóm chính sách. Mỗi nhóm chính sách này sẽ bao gồm các quy định bổ sung, cụ thể hóa hoặc sửa đổi quy định hiện hành, hoặc đề xuất các quy định mới.

**1. Chính sách 1: Hoàn thiện quy định nội dung chi NSNN cho KH&CN**

***1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề***

*1.1.1. Xác định vấn đề*

Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện thực tế phát hiện thấy: các nội dung chi của ngân sách nhà nước (NSNN) cho khoa học và công nghệ (KH&CN) chưa đầy đủ, chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng nhu cầu thực tế phát sinh đối với các nội dung chi phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST). Cụ thể như sau:

a) Quy định về chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (*điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) và chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (*điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP*) chưa đảm bảo phân định rõ về phạm vi, tiêu chí, đối tượng điều chỉnh, tổng mức đầu tư giữa dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp tài sản, trang thiết bị, máy móc để phân định ranh giới giữa các dự án thực hiện từ nguồn kinh phí đầu tư công với các nhiệm vụ được sử dụng từ nguồn chi thường xuyên.

Khoản 4 và khoản 6 Điều 4 Luật NSNN quy định:

“*4. Chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật.*

*6. Chi thường xuyên là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh*.”

Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công theo hướng: “*Điều 6 của Luật Đầu tư công không quy định nhiệm vụ, khoản chi nào phải dùng vốn đầu tư công, không quy định chi sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc. Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẳng định Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan khác không có quy định nào cấm sử dụng chi thường xuyên để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm tài sản; mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc.*”

Theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phù quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, tại Phụ lục đã phân loại dự án quy định tại điểm b khoản 5 Điều 8 của Luật Đầu tư công.

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định:

“*2. Chi ngân sách nhà nước cho phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học công lập gồm các nội dung sau đây:*

*a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: …chi cho dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị; …*

*b) Từ nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ: Chi cho dự án phòng thí nghiệm đầu tư tập trung, phòng thí nghiệm chuyên ngành, liên ngành, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, dự án số hóa thư viện trong cơ sở giáo dục đại học và dự án đầu tư phát triển khoa học công nghệ khác*;”

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Bổ sung quy định để làm rõ các nội dung chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Đầu tư công;

+ Bổ sung quy định cải tạo, sửa chữa nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án. Lý do: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công “*a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;*”

+ Bổ sung đối tượng điều chỉnh là: trại thực nghiệm[[1]](#footnote-2); phòng tiêu bản, phòng trưng bày, lưu giữ mẫu[[2]](#footnote-3); trung tâm đổi mới sáng tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo[[3]](#footnote-4).

- Bổ sung quy định tại điểm m khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP:

+ Làm rõ quy định về chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật ban đầu, không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công (khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công “*1. Việc bảo dưỡng, sửa chữa nhằm đảm bảo tài sản công được duy trì theo đúng công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật trang bị ban đầu; không làm thay đổi công năng, quy mô của tài sản công*.”)

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, cần phải thực hiện ngay trong năm ngân sách (quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật NSNN và Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

+ Bổ sung quy định về nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm: mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động thường xuyên theo tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành; mua sắm tài sản, trang thiết bị chuyên dùng của các tổ chức KH&CN công lập; mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ KH&CN. Căn cứ đề xuất: Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công “*b) Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật*” và điểm a khoản 2 Điều 28 “*a) Phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành*” và Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Đối với nội dung bổ sung: (i) nhiệm vụ Cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng, nâng cấp công năng và tiêu chuẩn kỹ thuật của trang thiết bị nghiên cứu (tối đa không quá 15 tỷ đồng/nhiệm vụ) không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ KH&CN đề xuất quy định cụ thể trong Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP để đảm bảo tính thống nhất với các quy định đang được xây dựng tại dự thảo Nghị định quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng[[4]](#footnote-5).

b) Bổ sung nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và nội dung chi sự nghiệp khoa học và công nghệ để duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Lý do:

Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế “*Phát triển các trung tâm và mạng lưới đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với khu công nghệ cao, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu; triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục; xây dựng các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở*;”

Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 đã đề ra nhiệm vụ: “*Hình thành hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; trong năm 2023, thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh*.”

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ: “*b) Phát triển hệ thống các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu*.” (điểm b khoản 2 mục IV).

Do vậy, quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần bổ sung nội dung chi như sau:

- Bổ sung quy định về nội dung chi đầu tư phát triển cho việc xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung quy định tại điểm n0 khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về chi nhằm bảo đảm và duy trì hoạt động của trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

c) Điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa được sửa đổi phù hợp với quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các nội dung: NSNN sẽ đảm bảo kinh phí hoặc hỗ trợ kinh phí để thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao hoặc đặt hàng và kinh phí được NSNN hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập theo mức độ tự chủ tài chính.

d) Bổ sung quy định tại điểm k khoản 2 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP nhằm làm rõ việc hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học chất lượng cao thuộc các danh mục có uy tín so với quy định trước đây “*k) Hỗ trợ…công bố kết quả nghiên cứu khoa học; …*”.

Lý do: điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học quy định: “*a) Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ: … hỗ trợ kinh phí công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích; hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ; hỗ trợ phát triển, nâng cao chất lượng tạp chí khoa học để gia nhập hệ thống trích dẫn khu vực và quốc tế;…* *mua cơ sở dữ liệu thông tin khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi thưởng bằng mức lương thấp nhất bình quân cho công bố khoa học có giá trị, bằng 03 lần mức lương bình quân cho 01 sáng chế, bằng 02 lần mức lương bình quân cho 01 giải pháp hữu ích hoặc 01 giống cây trồng; …*”

*1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định về nội dung chi NSNN cho KH&CN nhằm phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 100/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV tại mục 2.3 và kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 3307/TB-TTKQH ngày 18/01/2024 về việc giải thích quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Đầu tư công cũng như các quy định pháp luật khác có liên quan nhằm phục vụ nâng cao tiềm lực KHCN&ĐMST.

***1.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*1.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề*

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 1.1.2 nói trên.

*1.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp* *đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*1.2.2.1. Phương án 1*

*a) Tác động đối với hệ thống pháp luật*:

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và không tăng chi NSNN cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: hiệu lực, hiệu quả quản lý bị giảm sút, không phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, không đáp ứng nhu cầu chi cho hoạt động ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không đáp ứng nhu cầu chi của tổ chức, cá nhân.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

* + - 1. *Phương án 2:*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: Sau khi rà soát về tính tương thích, giải pháp này không ảnh hưởng đến các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp với quy định pháp luật về NSNN, về đầu tư công, đáp ứng nhu cầu hoạt động KHCN&ĐMST.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện đúng quy định pháp luật về NSNN, pháp luật về đầu tư công, hoạt động KHCN&ĐMST hiệu quả.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới.

*c) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Không thay đổi thủ tục hành chính hiện có.

***1.3. Lựa chọn giải pháp***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của tổ chức và cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**2. Chính sách 2: hoàn thiện quy định về kế hoạch, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN.**

***2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề***

*2.1.1. Xác định vấn đề*

- Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách. Mặt khác, đến thời điểm hiện nay, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP đã thực hiện được 08 năm, nhưng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí cho hoạt động KH&CN vẫn chưa được ban hành. Đồng thời, các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật khác có liên quan đã được ban hành và thực thi nên cần thiết phải bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP.

- Bổ sung khoản 5 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP liên quan đến việc áp dụng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng[[5]](#footnote-6).

*2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

**-** Luật NSNN quy định về việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định định mức phân bổ chi thường xuyên, chi đầu tư NSNN áp dụng cho mỗi thời kỳ ổn định ngân sách (quy định tại điểm a khoản 5 Điều 5 Luật NSNN)[[6]](#footnote-7), do vậy, việc bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP là cần thiết.

- Khoản 3 Điều 1 của dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng quy định: “*Đối với các nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên được quy định tại các Luật chuyên ngành và Nghị định hướng dẫn của Chính phủ trong lĩnh vực thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại điểm 2 Điều này), các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Nghị định này về trình tự, thủ tục xây dựng dự toán, phân bổ sự toán và quyết toán chi thường xuyên và thực hiện theo quy định tại các Luật chuyên ngành, Nghị định của Chính phủ về sử dụng kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành*.”[[7]](#footnote-8) Do vậy, việc bổ sung quy định về áp dụng quy định pháp luật nêu trên sẽ đảm bảo tính thống nhất đồng bộ trong tổ chức thực hiện pháp luật về NSNN.

***2.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*2.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề*

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 5 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 2.1.2 nói trên.

*2.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp* *đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan*

*2.2.2.1. Phương án 1*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

Không có tác động liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém thời gian, chi phí sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và nguồn lực NSNN chi cho KH&CN.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phải mất thời gian nghiên cứu các quy định mới để thực hiện.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: quy trình xây dựng, lập dự toán và phân bổ NSNN cho KH&CN chưa phù hợp với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không phát sinh tác động tiêu cực.

*c) Tác động về giới:*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

*2.2.2.2 Phương án 2:*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: phù hợp, thống nhất với quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công cũng như đáp ứng với nhu cầu thực tế hoạt động KH&CN tại bộ, ngành, địa phương.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: thực hiện theo quy định định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: không có.

*c) Tác động về giới*

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không làm thay đổi các quy định về thủ tục hành chính trong xây dựng, lập dự toán và phân bổ dự toán chi NSNN cho KH&CN.

***2.3. Lựa chọn giải pháp***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 2 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, phù hợp với định của pháp luật về NSNN và pháp luật về đầu tư công, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước.

**3. Chính sách 3: Hoàn thiện quy định về Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp**

***3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề***

*3.1.1 Xác định vấn đề*

Trong thời gian qua, hành lang pháp lý về hoạt động của quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp đã được hoàn thiện. Tuy nhiên, một số quy định hiện hành không còn phù hợp với các quy định liên quan hoặc thực tiễn, đòi hỏi phải tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện. Các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp chưa đầy đủ, đồng bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng cao dựa trên KHCN&ĐMST. Cụ thể:

- Tỷ lệ trích lập tối thiểu Quỹ của doanh nghiệp Nhà nước không đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác; gây ảnh hưởng đến đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp Nhà nước theo Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP.

- Quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP chưa phù hợp quy định quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, theo Điều 30 Luật Tổ chức Chính phủ 2015 quy định về thẩm quyền ban hành văn bản và theo khoản 2 Điều 5 Nghị định 39/2022/NĐ-CP quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP cần điều chỉnh như sau: “*mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp*” phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ cho hoạt động chuyển đổi số doanh nghiệp nhằm thực hiện theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt “*Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*” tại điểm d khoản 4 Mục 4 Giải pháp “*d) Rà soát, sửa đổi quy định, chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp trích lập Quỹ khoa học công nghệ và sử dụng Quỹ này để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số doanh nghiệp. Nới lỏng và đơn giản hóa các quy định về trích lập và chi tiêu Quỹ khoa học công nghệ cho mục tiêu chuyển đổi số doanh nghiệp*”.

- Bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp Nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW năm 2019 của Bộ Chính trị tại khoản 2 Mục III “*Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*”; đầu tư cho các cơ sở ươm tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực liên quan đến khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đặt hàng các sản phẩm mới,... như nhiệm vụ được giao tại tại điểm h khoản 1 phần A Mục III Nghị quyết số 58/NQ-CP và tại khoản 6 Chỉ thị số 12/CT-TTg.

*3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

Hoàn thiện các quy định liên quan đến Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp nhằm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, đảm bảo tính bình đẳng về quy định tỉ lệ trích lập Quỹ giữa các doanh nghiệp Nhà nước và các loại hình doanh nghiệp khác và đáp ứng nhu cầu thưcj tiễn của doanh nghiệp.

***3.2. Giải pháp giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

***3.2.1. Các giải pháp giải quyết vấn đề***

Có hai phương án đối với vấn đề này:

**Phương án 1**: Giữ nguyên quy định như hiện nay.

**Phương án 2**: Chỉnh sửa, bổ sung quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP theo các mục tiêu nêu tại mục 3.1.2 nói trên.

***3.2.2. Đánh giá tác động của các giải pháp*** ***đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan***

*3.2.2.1. Phương án 1*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

*Không có tác động đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về KH&CN.*

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không tốn kém kinh phí đầu tư.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không có.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: thiếu các công cụ thúc đẩy sự phát triển của KHCN&ĐMST tại doanh nghiệp.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan: không tạo động lực cho hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động KHCN&ĐMST**.**

c) Tác động về giới:

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không làm thay đổi thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

*3.2.2.2. Phương án 2:*

*a) Tác động tới hệ thống pháp luật:*

- Bộ máy nhà nước: giải pháp này không có tác động tới bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: giải pháp này không cần bổ sung điều kiện thi hành.

- Quyền cơ bản của công dân: giải pháp này không tác động tới các quyền cơ bản của công dân.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: giải pháp này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay.

- Tương thích với các điều ước quốc tế: qua rà soát, giải pháp này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*b) Tác động về kinh tế, xã hội:*

b1) Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện công cụ quản lý, phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động KHCN&ĐMST của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân. Đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đối với doanh nghiệp.

b2) Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh công việc liên quan đến nghiên cứu, hoàn thiện quy định và triển khai thi hành.

- Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN: phải nghiên cứu các quy định mới và ràng buộc trách nhiệm pháp lý chặt chẽ hơn.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

*d) Tác động về thủ tục hành chính:*

Chính sách không tác động đến thủ tục hành chính trong Luật KH&CN.

Chính sách không bổ sung các thủ tục hành chính liên quan đến việc trích lập và sử dụng quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

***3.3. Lựa chọn giải pháp***

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn phương án 3 là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý và nhu cầu hoạt động, giúp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý về quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điểm b mục 3 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khoá, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

1. **PHỤ LỤC**

Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên là điều ước quốc tế đang có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích.

1. *Về lĩnh vực sở hữu trí tuệ*

Đến nay, về lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Việt Nam đã gia nhập nhiều Điều ước quốc tế, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Các Điều ước quốc tế | Rà soát và đánh giá tính tương thích |
| 1 | Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) | Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) là các hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, là một thỏa thuận pháp lí quốc tế giữa tất cả các quốc gia là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nó đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu cho quy định của chính phủ quốc gia về nhiều hình thức sở hữu trí tuệ (IP) như áp dụng cho các công dân của các quốc gia thành viên WTO khác. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS) đặt ra nhằm mục tiêu bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ phải góp phần thúc đẩy cải tiến công nghệ, chuyển giao và phổ biến công nghệ, đảm bảo quyền lợi của các nhà sản xuất và những người sử dụng kiến thức công nghệ phục vụ cho kinh tế, xã hội cũng như bảo đảm sự cân bằng giữa các quyền và nghĩa vụ. |
| 2 | Hiệp định khung ASEAN về hợp tác sở hữu trí tuệ | Hiệp định gồm 8 điều, quy định những vấn đề cơ bản nhất về hợp tác SHTT giữa các quốc gia thành viên. Các thỏa thuận nội khối sẽ được thực hiện phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc, chuẩn mực trong các điều ước quốc tế liên quan và Hiệp định TRIPS, tạo thuận lợi chi các nhà sáng tạo, nhà sản xuất và người sử dụng SHTT, góp phần phát triển kinh tế xã hội. |
| 3 | Hiệp định Khu vực thương mại tự do ASEAN- Australia- New Zealand (phần sở hữu trí tuệ) | Chương SHTT của Hiệp định AANZFTA tương tự như Hiệp định TRIPS. |
| 4 | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU EVFTA | Hiệp định có phạm vi quyền SHTT tương ứng với Hiệp định TRIPS. Các nguyên tắc chung về bảo hộ quyền SHTT (các quy định từ Điều 12.1 đến 12.4) gồm: bảo hộ đầy đủ và hiệu quả quyền SHTT; bảo hộ và thực thi quyền SHTT phải đóng góp vào việc thúc đẩy đổi mới công nghệ, chuyển giao và phổ biến công nghệ, vì lợi thế chung của các nhà sản xuất và người sử dụng kiến thức công nghệ và theo cách thức có lợi cho phúc lợi xã hội và kinh tế và vì sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ;  nguyên tắc MFN và tự do lựa chọn cơ chế cạn quyền phù hợp. |
|  | Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Hiệp định CPTPP khẳng định lại rõ ràng các nguyên tắc quan trọng của Hiệp định TRIPS, như mục tiêu bảo hộ cần thúc đẩy đổi mới, chuyển giao và phổ biến công nghệ, cân bằng lợi ích giữa chủ SHTT và công chúng (Điều 18.2), thúc đẩy lợi ích công cộng trong các lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn như vấn đề bảo vệ sức khỏe và dinh dưỡng cộng đồng (Điều 18.3), trong đó đặc biệt nhấn mạnh Tuyên bố Đôha về Hiệp định TRIPS và sức khỏe cộng đồng (Điều 18.6), quyền tự do định đoạt chính sách về nhập khẩu song song (Điều 18.11). Bên cạnh đó, yêu cầu minh bạch hóa trên Internet các quy định pháp luật, các thủ tục, các quyết định hành chính có hiệu lực áp dụng chung liên quan đến bảo hộ và thực thi quyền SHTT; thông tin đã công bố về đơn đăng ký, văn bằng bảo hộ đối với quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng (Điều 18.9) cũng được đặt ra trong Hiệp định này. |
|  | Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Chương về quyền SHTT trong Hiệp định được xây dựng trên mô hình của Hiệp định TRIPS và bao gồm: những tiêu chuẩn tối thiểu đối với việc bảo hộ và thực thi quyền SHTT, cùng với những vấn đề khác, như: sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, quyền tác giả,... Chương này phản ánh những thay đổi về các tiêu chuẩn của SHTT trên thế giới diễn ra kể từ khi Hiệp định TRIPS được ký kết và không nhắc lại tất cả các nghĩa vụ trong Hiệp định TRIPS. |
|  | Hiệp định hợp tác khoa học và công nghệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ (các quy định về sở hữu trí tuệ) |  |
|  | Hiệp định Việt Nam - Thụy Sỹ về bảo hộ sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ |  |
|  | Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Những cam kết về SHTT trong Hiệp định này bao quát hầu hết các đối tượng và khía cạnh của quyền SHTT, nhưng đa phần mức độ cam kết chỉ tương đương với Hiệp định TRIPS. |
|  | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Chile (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Hiệp định này không có một chương riêng về SHTT. Các cam kết về SHTT nằm trong Chương Thương mại hàng hóa và chỉ tập trung vào vấn đề chỉ dẫn địa lý. Theo đó, Việt Nam và Chile phải quy định thủ tục đăng ký chỉ dẫn địa lý dành cho công dân của hai nước mà không yêu cầu nhà nước phải can thiệp thay mặt cho các công dân trong việc đăng ký này. Điều đặc biệt, trong Hiệp định này Việt Nam công nhận Pisco, có kèm theo chỉ dẫn về Chile, là một chỉ dẫn địa lý theo định nghĩa của khoản 1 Điều 22 Hiệp định TRIPS. Hiệp định cũng khẳng định rằng sự công nhận này không ảnh hưởng đến các quyền liên quan tới chỉ dẫn địa lý Pisco mà Việt Nam đã công nhận cho Peru. |
|  | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Nội dung về SHTT trong Hiệp định này tương đối rộng, bao quát hầu hết các đối tượng của quyền SHTT nhưng những cam kết cũng chỉ dừng ở mức tương đương với cam kết tại Hiệp định TRIPS và pháp luật quốc gia. |
|  | Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Vương quốc Anh UKVFTA | Hiệp định gồm 9 điều khoản; 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn EVFTA; 01 Nghị định thư và 01 thư trao đổi song phương giữa Việt Nam và Vương quốc Anh. Các điều chỉnh liên quan đến SHTT được đề cập tại các Mục 11 và 12 Phụ lục Hiệp định. Theo đó, các điều chỉnh này chủ yếu xử lý vấn đề liên quan đến Danh sách chỉ dẫn địa lý trong Hiệp định EVFTA, theo đó các điều chỉnh nhằm bảo đảm việc bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Vương quốc Anh và Bắc Ireland (bao gồm 04 chỉ dẫn địa lý là Scotch Whiskey, Scottish Farmed Salmon, Irish Whiskey và Irish Cream) tại Việt Nam theo Hiệp định EVFTA tiếp tục được duy trì theo Hiệp định UKVFTA khi Vương quốc Anh tách khỏi EU. |
|  | Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á Âu (các quy định về sở hữu trí tuệ) | Nội dung SHTT trong VN-EAEU FTA được quy định tại Chương 9 của Hiệp định, bao gồm 17 Điều, từ các điều khoản chung về các điều ước quốc tế, nguyên tắc đối xử quốc gia, đối xử tối huệ quốc đến các điều khoản về từng đối tượng quyền SHTT cụ thể như quyền tác giả và quyền liên quan, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý... và thực thi quyền SHTT. Về cơ bản, các cam kết trong VN-EAEU FTA không vượt quá các chuẩn mực bảo hộ quy định trong Hiệp định TRIPS của WTO và phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, do vậy không đặt thêm gánh nặng cho Nhà nước, các doanh nghiệp và cả xã hội trong thi hành cam kết về SHTT. |

1. *Về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng*

Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (gọi tắt là Hiệp định TBT) của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) là một trong các hiệp định điều chỉnh về thương mại hàng hóa với mục tiêu bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn và thủ tục đánh giá sự phù hợp không phân biệt đối xử và không tạo ra rào cản không cần thiết cho thương mại. Cùng lúc, Hiệp định thừa nhận các Thành viên WTO có quyền áp dụng các biện pháp để thực hiện các mục tiêu chính sách hợp pháp của mình.

Hiệp định TBT khuyến khích mạnh mẽ các nước thành viên sử dụng tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ cho các biện pháp quy chuẩn kỹ thuật và thủ tục đánh giá sự phù hợp nhằm tạo thuận lợi cho thương mại. Thông qua các điều khoản về minh bạch hóa, Hiệp định cũng được xây dựng với mục đích tạo môi trường thương mại dễ dự đoán.

1. *Về lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân*

Việt Nam đã tham gia các điều ước quốc tế về an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân như Công ước về an toàn hạt nhân, Nghị định thư bổ sung cho Hiệp định thanh sát Việt Nam-IAEA, Công ước chung về an toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn quản lý chất thải phóng xạ hay Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và phần sửa đổi.

Như vậy, sau khi rà soát về tính tương thích, các quy định được nêu trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP hoàn toàn không cản trở các cam kết của Việt Nam khi tham gia các Điêu ước quốc tế nêu ở trên.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Chính phủ;  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - VPCP: Vụ Pháp luật;  - Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, KHTC. | **BỘ TRƯỞNG**  **Huỳnh Thành Đạt** |

1. Ý kiến của Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên tại văn bản số 367/KHCN-KHTC ngày 18/3/2024 về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-2)
2. Ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2343/BNN-KHCN ngày 02/4/2024 về việc góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 95/2014/NĐ-CP. [↑](#footnote-ref-3)
3. Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ tại điểm b khoản 2 mục IV. [↑](#footnote-ref-4)
4. Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. [↑](#footnote-ref-5)
5. Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. [↑](#footnote-ref-6)
6. Chẳng hạn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ đự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-7)
7. Dự thảo Nghị định kèm theo Tờ trình số 100/TTr-BTC ngày 10/5/2024 của Bộ Tài chính đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng. [↑](#footnote-ref-8)